

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **190/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/6/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phong Phi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Lê Văn Phu**

**Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm: 1994.

Cư trú: ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, An Giang.

**- Bị đơn:** Ông **Cao Thành T2**, sinh năm: 1989.

Cùng cư trú: ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, An Giang.

(Bà T có mặt; ông T2 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà Lê Thị Kim T nộp đơn xin ly hôn với ông Cao Thành T2 với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông bà được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn cách đây ba năm. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, ông T2 thường xuyên đi rượu chè không tôn trọng bà và gia đình bà, vợ chồng thường gây cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Hai người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T2.

Trong quá trình chung sống hai người có hai con chung: Cao Thị Kiều Tiên, sinh ngày 18/5/2013; Cao Thị Kim Tuyền, sinh ngày 17/11/2014; hiện hai cháu đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung: Không có.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông T2 theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T và ông T2 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[ 1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa bà T và ông T2 hình thành là tự do tự tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, An Giang là hôn nhân hợp pháp; các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của bà

T được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà T xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của ông Cao Thành T2 ngày 29/4/2020 được ông Nguyễn Trung Hiếu – Trưởng ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết hiện nay ông T2 vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân thì ông không rõ vì hiện nay ông T2 đi làm ăn xa ít thấy về địa phương.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại bà T xác định là không còn tình cảm với ông T2 và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với ông T2.

Trong thời gian không sống chung cả hai đều không quan T2 nhau để hàn gắn, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 19 luật hôn nhân gia đình 2014, thì ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T2, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Bà T khai có hai con chung và hiện đang được bà nuôi dạy. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận tự nguyện này giao hai cháu cho bà T tiếp tục nuôi. Cũng phù hợp nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ.

Tại phiên tòa, ông T2 vắng mặt nên Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, tuy nhiên do ông T2 vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T2 có chứng cứ khác về tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T2 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Cao Thành T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 06/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao hai cháu Cao Thị Kiều Tiên, sinh ngày 18/5/2013; Cao Thị Kim Tuyền, sinh ngày 17/11/2014 cho bà T nuôi.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009886 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phong Phi**